

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về  
chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Lê Thị Toan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 04/116 Ngõ Gia K, tổ 4, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Huy H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 04/116 Ngõ Gia K, tổ 4, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 02-02-2021, bản tự khai ngày 02-03-2021, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Phan Huy H chung sống như vợ chồng từ tháng 4 năm 1982 đến nay, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông H thường xuyên uống rượu say về chửi bà và

các con, nên bà và ông H đã sống ly thân hơn 4 năm nay, tuy sống cùng nhà nhưng ông, bà không còn quan tâm tới nhau. Nay bà thấy mâu thuẫn giữa bà và ông H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phan Huy H.

Về con chung: Bà và ông Phan Huy H có 06 con chung là cháu Phan Thị Thanh H, sinh năm 1983; cháu Phan Thị H1, sinh năm 1986; cháu Phan Thị B, sinh năm 1989; cháu Phan Thị H2, sinh năm 1991; cháu Phan Huy A, sinh năm 1993; cháu Phan Huy Đ, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã thành niên và tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Phan Huy H có 541 m<sup>2</sup> đất tại số nhà 04/116, đường Ngô Gia K, tổ 4, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 702709 ngày 23/5/2019 và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu chia đôi tài sản chung nêu trên. Tuy nhiên sau đó bà và ông H đã thỏa thuận được về phần chia tài sản chung, nên ngày 06-7-2021 bà có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên quan điểm rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Phan Huy H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại bản tự khai ngày 02-4-2021, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phan Huy H trình bày:*

Ông và bà Trần Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 1982 cho đến nay và không có đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng sự thật. Trong quá trình chung sống thì ông và bà H không có mâu thuẫn trầm trọng, thỉnh thoảng có tranh cãi, tính tình không hợp nhau nên ông và bà H đã sống ly thân hơn 4 năm nay, không quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì hiện nay các con đã lập gia đình, có cháu nội, cháu ngoại, sui gia, nếu ly hôn thì ảnh hưởng cho con, cháu sau này.

Về con chung: Ông đồng ý với lời khai của bà H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông đồng ý về tài sản chung và đồng ý ý kiến của bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần này.

Về nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 85, Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; căn cứ Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, về hôn nhân: bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phan Huy H. Đình chỉ xét xử về phần chia tài sản chung giữa bà Trần Thị H và ông Phan Huy H, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Phan Huy H chung sống như vợ chồng từ tháng 4 năm 1982 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân của bà H và ông H vẫn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét trong quá trình chung sống, bà H và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, đã sống ly thân hơn 04 năm; mặc dù đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân, từ khi sống ly thân cho đến nay ông bà không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng; chính quyền địa phương nơi ông bà cư trú xác nhận ông bà có mâu thuẫn trầm trọng mấy năm nay, hay cãi vã, sống chung nhưng không quan tâm đến nhau.

[3] Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng tình trạng hôn nhân của bà H và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Về con chung: Bà H và ông Phan Huy H có 06 con chung là cháu Phan Thị Thanh H, sinh năm 1983; cháu Phan Thị H1, sinh năm 1986; cháu Phan Thị B, sinh năm 1989; cháu Phan Thị H2, sinh năm 1991; cháu Phan Huy A, sinh năm 1993; cháu Phan Huy Đ, sinh năm 1996, hiện nay các con đã thành niên và tự lập được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bà H rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản khi ly hôn để bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc rút yêu cầu này của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc; ông H cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về chia tài sản khi ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về nợ chung: Bà H và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.800.000 đồng, bà H tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Hoàn trả lại cho bà H 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 85, Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H

Về hôn nhân: Bà Trần Thị H ly hôn với ông Phan Huy H

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về chia tài sản khi ly hôn.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng) bà Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012225 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012225 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- THADS thành phố P;
- UBND phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Thu**